



kè chē
客车

Noun · coach

Example Sentence

wǒ men chéng zuò cháng tú kè chē qù lìng yí gè chéng shì
我们乘坐长途客车去另一个城市。

We took a long-distance coach to another city.

Trace each character, then write the word on your own.

客	客	客	客	客	客	客	客	客	客	客
客										
车	车	车	车	车	车	车				